

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2019

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2018 VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

Năm báo cáo: 2018

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 3 năm trước

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước

1.1. Giai đoạn 2015-2017

Giai đoạn 2015-2017 là giai đoạn mà Tổng công ty Viễn thông MobiFone có nhiều chuyển biến trong chiến lược kinh doanh trong đó năm 2016 là năm đầu tiên trong giai đoạn phát triển 5 năm 2016 – 2020 trong đó đẩy mạnh sản xuất kinh doanh dựa trên **4 trụ cột Viễn thông & CNTT - Truyền Hình - Phân phối & Bán lẻ - Đa dịch vụ**. Các nhà mạng đứng trước sức ép về đổi mới, cạnh tranh và đầu tư theo sự phát triển không ngừng của công nghệ và đòi hỏi khắt khe từ khách hàng.

Với rất nhiều những thách thức đó, là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong cung cấp dịch vụ thông tin di động, MobiFone đã nỗ lực hết mình để mang đến những dịch vụ tiên tiến, tạo sự hài lòng đến khách hàng. Chính nhờ những động lực và quyết tâm đó, MobiFone đã đạt được nhiều thành công trong kết quả SXKD, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất phát sinh từ 2015-2017 đạt **116.179** tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất phát sinh từ 2015-2017 của MobiFone đạt **18.118** tỷ đồng.
- Riêng Công ty mẹ đã đóng góp vào nộp ngân sách trong giai đoạn này là **17.421** tỷ đồng.

1.2. Năm 2018

MobiFone đã phân đầu và nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu đánh giá xếp loại doanh nghiệp mà Bộ Thông tin & Truyền thông (TT&TT) giao, cụ thể:

- Doanh thu hợp nhất toàn TCT thực hiện **38.883** tỷ đồng, doanh thu Công ty mẹ đạt **36.926** tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ: đạt **4.677** tỷ đồng.

Năm 2018 là năm MobiFone gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng tiến độ thực hiện đầu tư, đặc biệt là các dự án mới. Tiến độ ký hợp đồng, nghiệm thu và thanh toán các dự án chuyển tiếp ở mức trung bình khá, trong khoảng 50-70%.

Trong năm 2018, MobiFone hoàn thành triển khai lắp đặt, phát hơn 8.000 trạm 4G, đáp ứng lưu lượng thuê bao data tăng trưởng mạnh. Việc triển khai mở rộng vùng phủ sóng giúp nâng cao chất lượng mạng lưới, tăng cường trải nghiệm với người dùng mạng MobiFone.

2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước

2.1. Giai đoạn 2015-2017

Sau khi tách khỏi Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và tái cấu trúc, MobiFone trở thành Tổng công ty trực thuộc Bộ TT&TT. Từ ngành nghề kinh doanh chính là các lĩnh vực viễn thông truyền thống bao gồm cung cấp dịch vụ thông tin di động và các dịch vụ giá trị gia tăng, MobiFone đã định hướng phát triển trở thành một doanh nghiệp viễn thông – CNTT hàng đầu cả nước. Do đó, trong 2 năm 2015-2016 công tác đầu tư được triển khai toàn diện; hạ tầng, kỹ thuật mạng lưới đã được tổ chức quản lý tập trung, thống nhất và mở rộng; chất lượng mạng lưới, chất lượng dịch vụ được cải thiện; nâng cao được hiệu quả đầu tư. Rất nhiều hệ thống mạng lưới, hệ thống CNTT nền tảng được xây dựng hướng đến mục tiêu phát triển doanh nghiệp kinh doanh giải pháp đa dịch vụ. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2016 với tốc độ tăng trưởng doanh thu 14,5% đã cho thấy những tín hiệu tích cực, khẳng định định hướng phát triển đúng đắn của Tổng công ty trong giai đoạn mới.

Trong giai đoạn 2016-2017, MobiFone tập trung vào đầu tư phát triển mạng 4G, và đã hoàn thành phát sóng hơn 12000 trạm 4G mới, nâng tổng số trạm đầu tư mới trong giai đoạn 2015-2017 lên hơn 30.000 trạm cả 3G và 4G. Dung lượng 4G về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của khách hàng tại các thành phố trọng điểm, tuy nhiên vùng phủ 4G MobiFone vẫn còn thấp hơn so với các mạng đối thủ, nên trong những năm tiếp theo MobiFone vẫn cần phải tiếp tục đầu tư mạnh vào phát triển 4G. Mạng core hiện tại của MobiFone có thể đáp ứng nhu cầu dịch vụ cho 46 triệu thuê bao 2G/3G, 16 triệu thuê bao sử dụng data trong đó 4 triệu thuê bao 4G. ✓

Tổng công ty cũng đã tập trung mạnh mẽ nguồn lực để phát triển mạng truyền dẫn với khoảng 6.300 tuyến viba dung lượng cao, xây dựng mạng metro trên 24 tỉnh và hoàn thiện mạng đường trục Bắc - Nam, nhanh chóng giúp MobiFone từng bước khắc phục sự phụ thuộc đường truyền vào các nhà cung cấp dịch vụ, thoát ly dần khỏi vai trò lệ thuộc về hạ tầng mạng và vững vàng phát triển thành Tổng công ty kinh doanh đa dịch vụ.

Cũng trong giai đoạn này, MobiFone đã xây dựng các tòa nhà điều hành tại các địa bàn trọng điểm, là trụ sở làm việc và nơi lắp đặt các thiết bị cho các đơn vị, đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh và thương hiệu của MobiFone.

2.2. Năm 2018

- Đối với mạng vô tuyến, trong năm 2018 hoàn thành triển khai lắp đặt, phát hơn 8.000 trạm 4G, đồng thời triển khai đầu tư trang bị bổ sung khoảng 7.500 trạm 4G hoàn thiện mạng lưới thông tin di động phủ sóng cả nước.

- Năm 2018 mạng PS core sẽ được nâng cấp mở rộng dung lượng thuê bao sử dụng data và thuê bao 4G.

- Năm 2018, tiếp tục đầu tư mạng truyền dẫn phục vụ phát triển mạng vô tuyến 3G/4G, mở rộng băng thông kết nối và giảm chi phí thuê kênh.

- MobiFone định hướng tiếp tục mở rộng kinh doanh lĩnh vực truyền dẫn và triển khai kinh doanh băng rộng cố định.

3. Những thay đổi chủ yếu

Trong bối cảnh nhiều khó khăn và thách thức chung của các doanh nghiệp viễn thông khi người dùng chuyển dần từ các dịch vụ thoại truyền thống sang các dịch vụ OTT (Over The Top – dịch vụ trên nền Internet) như Zalo, Viber, Skype ..., doanh thu 2018 sụt giảm, MobiFone đã tập trung vào nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư thêm các hệ thống tối ưu dữ liệu data (3G, 4G), tránh tắc nghẽn mạng, hạn chế suy giảm chất lượng xem video, lướt web của khách hàng. Các dự án không có hiệu quả cao hoặc chưa trực tiếp mang lại doanh thu được hạn chế trong danh mục đầu tư của MobiFone.

Bên cạnh đó, MobiFone cũng tập trung phát triển mạnh mảng công nghệ thông tin (CNTT), ứng dụng các công nghệ theo xu hướng chuyển đổi số như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data) để phục vụ công tác sản xuất kinh doanh, chăm sóc khách hàng.

4. Cơ hội, thách thức và triển vọng trong tương lai

Năm 2019 sẽ tiếp tục là một năm cạnh tranh mạnh mẽ hơn của thị trường viễn thông trong các lĩnh vực data; tiếp tục chịu tác động của những chính sách đã ban hành trong năm 2018. Với quy mô thị trường bão hòa về thuê bao/người dùng, các phân khúc thuê bao di động/máy (M2M), chưa có nhiều ứng dụng rộng rãi, hành lang pháp lý với các dịch vụ mới chưa được hoàn thiện,... điều đó khiến các nhà mạng phải chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt nhằm giữ vững thị phần, đòi hỏi phải liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, xây dựng các gói cước phù hợp từng đối tượng khách hàng,...

a) Cơ hội

- ✓ Xu hướng tăng nhanh của thị trường Mobile game hay quảng cáo số (tỷ lệ người dùng ở Việt Nam nhận thức quảng cáo về các sản phẩm/dịch vụ qua Internet chiếm ưu thế lớn), thanh toán di động (Mobile payment) hay hoạt động trung gian thanh toán có tiềm năng tăng trưởng và nhiều hứa hẹn.
- ✓ Với dự báo tốc độ tăng trưởng data tại thị trường Việt Nam vẫn tăng trưởng mạnh (22,5%) là cơ hội cho các doanh nghiệp di động.
- ✓ Cơ hội phát triển, kết hợp cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông trong các giao dịch thanh toán online phù hợp với xu hướng phát triển của dịch vụ số.

b) Thách thức

- ✓ Xu hướng tăng trưởng dịch vụ data, cơ cấu tiêu dùng của khách hàng, MobiFone cần phải nhanh chóng mở rộng hơn nữa vùng phủ sóng, hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, bán hàng, chăm sóc khách hàng để giữ chân và thu hút khách hàng.
- ✓ Ảnh hưởng âm đến kết quả SXKD từ các chính sách của Bộ TT&TT: giảm cước kết nối, đấu giá băng tần, doanh nghiệp chiếm thị phần khổng lồ.
- ✓ Ảnh hưởng của việc tạm dừng triển khai dịch vụ gạch game/gạch thẻ; hành lang pháp lý không rõ ràng cho việc dùng thẻ/tài khoản viễn thông cho các hoạt động thanh toán dịch vụ nội dung số.
- ✓ Ảnh hưởng của việc điều chỉnh tăng thuế/phí sử dụng đất, giá điện, nhiên liệu và mức lương tối thiểu vùng dẫn đến chi phí của các doanh nghiệp tăng cao.

Trong năm 2019, MobiFone tiếp tục nâng cấp, mở rộng dung lượng mạng lõi và vùng phủ sóng mạng vô tuyến, khắc phục chất lượng mạng 3G và lắp đặt thêm thiết bị tại các điểm đen. Đồng thời, Tổng công ty tiếp tục triển khai nhanh thiết bị 4G để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh các dịch vụ Data tốc độ cao, cạnh tranh với các đối thủ, tiến tới đáp

ứng đủ dung lượng, số lượng cho 4G phủ sóng toàn quốc và xem xét hạn chế đầu tư 4G các năm sau 2019.

Đối với lĩnh vực Công nghệ thông tin, MobiFone gia tăng hàm lượng tự sản xuất thông qua việc lập trình và xây dựng phần mềm, tận dụng nhân lực nội bộ. Đối với phần cứng, server cần lập dự án trang bị tập trung hoặc sử dụng phần cứng ảo hóa (cloud) để tiết kiệm chi phí. Bên cạnh đó, Tổng công ty tập trung phát triển các dự án trực tiếp phục vụ sản xuất kinh doanh theo xu hướng chuyển đổi số như IoT, M2M, ưu tiên các giải pháp chuẩn bị hạ tầng, nền tảng để triển khai thu thập và phân tích dữ liệu khách hàng (big data/cloud) phục vụ triển khai kinh doanh nội bộ và hợp tác kinh doanh bên ngoài.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Danh sách các công ty con MobiFone nắm trên 50% vốn điều lệ (năm 2018):

Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Tỷ lệ sinh lời trên vốn điều lệ (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (MobiFone Service) (*)	70,63	28,40	40,21%
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu (MobiFone Global)	146,06	22,57	15,45%
Công ty Cổ phần dịch vụ gia tăng MobiFone (MobiFone Plus)	106,00	-9,38	-8,85%
Tổng	322,69	41,59	12,89%

- Ghi chú: (*) MobiFone nắm quyền chi phối các vấn đề trọng yếu: MobiFone có quyền bổ nhiệm các thành viên chủ chốt tại Công ty MobiFone Service như Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của MobiFone Service.

Biểu số 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	Dịch vụ	+ Viễn thông + CNTT + Phân phối và bán lẻ	+ Viễn thông + CNTT + Phân phối và bán lẻ + Nội dung số (đa dịch vụ)	+ Viễn thông + CNTT + Phân phối và bán lẻ + Nội dung số (đa dịch vụ)	+ Viễn thông + CNTT + Phân phối và bán lẻ + Nội dung số (đa dịch vụ)
2	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	33.553	38.420	44.206	38.883
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	7.129	5.347	5.642	5.919
4	Nộp ngân sách Công ty mẹ	Tỷ đồng	7.301	4.972	5.148	5.831
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)					
7	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	2.448	5.743	7.611	4.635
a)	- Nguồn ngân sách	“				
b)	- Vốn doanh nghiệp	“	2.448	5.743	7.611	4.635
8	Tổng số lao động	Người	4.048	4.105	4.109	4008 (**)
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng				
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	3,9	7,5	8,3	8,093 (***)
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	1.026	1.040	1.124	1.207

Ghi chú:

(*): Đến ngày 28/12/2018 MobiFone đã hoàn thành việc hoàn trả cổ phần AVG cho các cổ đông chuyển nhượng.

(**): Số liệu kế hoạch

(***): Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của Người quản lý MobiFone chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Biểu số 2
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)												
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)												
2.1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	60,00	32,0%	19,20	61,42	31,3%	19,20	70,63	31,3%	22,08	70,63	31,3%	22,08
2.2	Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	111,99	69,4%	77,75	128,80	69,4%	89,41	139,10	69,4%	96,56	146,06	69,4%	101,39
2.3	Công ty Cổ phần dịch vụ gia tăng MobiFone	106,00	96,2%	102,00	106,00	96,2%	102,00	106,00	96,2%	102,00	106,00	96,2%	102,00